

BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SỨC KHỎE GIA ĐÌNH UIC - FAMILY SHIELD

Chương trình	Family Bronze	Family Silver	Family Gold	Family Gold Plus
Điều kiện A: Chết/thương tật toàn bộ vĩnh viễn do bệnh	100,000,000 VNĐ/người. tối đa 400,000,000 VNĐ.	200,000,000 VNĐ/người. tối đa 800,000,000 VNĐ.	400,000,000 VNĐ/người. tối đa 1,000,000,000 VNĐ.	500,000,000 VNĐ/người. tối đa 1,000,000,000 VNĐ.
Điều kiện B: Chết/thương tật vĩnh viễn do tai nạn	100,000,000 VNĐ/người. Tối đa 400,000,000 VNĐ.	200,000,000 VNĐ/người. tối đa 800,000,000 VNĐ.	400,000,000 VNĐ/người. tối đa 1,000,000,000 VNĐ.	500,000,000 VNĐ/người. tối đa 1,000,000,000 VNĐ.
Điều kiện C: Chi phí y tế do tai nạn	40,000,000 VNĐ/năm	80,000,000 VNĐ/năm	120,000,000 VNĐ/năm	150,000,000 VNĐ/năm
Điều kiện D: Nằm viện phẫu thuật do ốm bệnh.	100,000,000 VNĐ/năm	200,000,000 VNĐ/năm	300,000,000 VNĐ/năm	400,000,000 VNĐ/năm
1. Nội trú	50,000,000 VNĐ/năm	100,000,000 VNĐ/năm	150,000,000 VNĐ/năm	200,000,000 VNĐ/năm
Tiền phòng (chung/riêng)	Chi trả theo chi phí thực tế, Tối đa 1,000,000 VNĐ/ngày/người	Chi trả theo chi phí thực tế, Tối đa 2,000,000 VNĐ/ngày/người	Chi trả theo chi phí thực tế, Tối đa 3,000,000 VNĐ/ngày/người	Chi trả theo chi phí thực tế, Tối đa 4,000,000 VNĐ/ngày/người
Phòng chăm sóc đặc biệt				
Phòng cấp cứu				
Các chi phí y tế khác trong thời gian nằm viện				
Áp dụng cho cả chi phí điều trị trong ngày				
2. Phẫu thuật	50,000,000 VNĐ/năm	100,000,000 VNĐ/năm	150,000,000 VNĐ/năm	200,000,000 VNĐ/năm
Phẫu thuật do ốm bệnh	Trả chi phí thực tế, tối đa không quá số tiền bảo hiểm	Trả chi phí thực tế, tối đa không quá số tiền bảo hiểm	Trả chi phí thực tế, tối đa không quá số tiền bảo hiểm	Trả chi phí thực tế, tối đa không quá số tiền bảo hiểm
Phẫu thuật liên quan cấy ghép nội tạng				

(Không chi trả chi phí mua bộ phận cấy ghép)				
3. Các quyền lợi khác (bao gồm trong phần 1)				
a. Chi phí trước khi nhập viện (30 ngày trước khi nhập viện)	2,500,000 VNĐ/năm	5,000,000 VNĐ/năm	7,500,000 VNĐ/năm	10,000,000 VNĐ/năm
b. Chi phí điều trị sau khi xuất viện (30 ngày kể từ ngày xuất viện)	2,500,000 VNĐ/năm	5,000,000 VNĐ/năm	7,500,000 VNĐ/năm	10,000,000 VNĐ/năm
c. Chi phí y tá chăm sóc tại nhà ngay khi xuất viện (tối đa 15 ngày/năm)	2,500,000 VNĐ/năm	5,000,000 VNĐ/năm	7,500,000 VNĐ/năm	10,000,000 VNĐ/năm
d. Trợ cấp nằm viện (tối đa 60 ngày/năm)	25,000 VNĐ/người/ngày	40,000 VNĐ/người/ngày	50,000 VNĐ/người/ngày	75,000 VNĐ/người/ngày
e. Phục hồi chức năng	5,000,000 VNĐ/năm	10,000,000 VNĐ/năm	15,000,000 VNĐ/năm	20,000,000 VNĐ/năm
f. Dịch vụ xe cứu thương	Tối đa đến STBH	Tối đa đến STBH	Tối đa đến STBH	Tối đa đến STBH
	Chi phí taxi 200,000 VNĐ/người/năm	Chi phí taxi 200,000 VNĐ/người/năm	Chi phí taxi 200,000 VNĐ/người/năm	Chi phí taxi 200,000 VNĐ/người/năm
g. Chi phí mai táng	4,000,000 VNĐ/năm	4,000,000 VNĐ/năm	4,000,000 VNĐ/năm	4,000,000 VNĐ/năm
Điều kiện E: Điều trị ngoại trú do ốm bệnh				
Giới hạn/năm và theo các giới hạn phụ sau	7,500,000 VNĐ/năm	15,000,000 VNĐ/năm	20,000,000 VNĐ/năm	20,000,000 VNĐ/năm

1. Chi phí khám bệnh, tiền thuốc theo kê đơn của bác sĩ, chi phí cho các xét nghiệm, chụp X-quang, siêu âm, chuẩn đoán hình ảnh trong việc điều trị bệnh thuộc phạm vi bảo hiểm.	750,000 VNĐ/lần khám/người - tối đa 10 lần/gia đình/ năm	1,500,000 VNĐ/lần khám/người - tối đa 10 lần/gia đình/ năm	2,000,000 VNĐ/lần khám/người - tối đa 10 lần/gia đình/ năm	2,000,000 VNĐ/lần khám/người - tối đa 10 lần/gia đình/ năm
2. Điều trị răng bao gồm:	Không bảo hiểm	3,000,000 VNĐ/năm 1,000,000 VNĐ/người (Cạo vôi răng 400,000 VNĐ/năm - 2 lần)	5,000,000 VNĐ/năm 1,500,000 VNĐ/người/năm (Cạo vôi răng 400,000 VNĐ/năm - 2 lần)	5,000,000 VNĐ/năm 1,500,000 VNĐ/người/năm (Cạo vôi răng 400,000 VNĐ/năm - 2 lần)
Khám, chụp X.Q:				
Viêm nướu (lợi), nha chu;				
Trám răng bằng chất liệu thông thường như				
Amalgam, composite, fuji...;				
Điều trị tuỷ răng;				
Cạo vôi răng (lấy cao răng);				
Nhổ răng bệnh lí (bao gồm tiểu phẫu).				
3. Điều trị bằng các phương pháp vật lí trị liệu (không phải là phương pháp mát-xa hay cải thiện dáng đi)	75,000 VNĐ/ngày/người tối đa 60 ngày /năm	150,000 VNĐ/ngày/người tối đa 60 ngày /năm	200,000 VNĐ/ngày/người tối đa 60 ngày /năm	200,000 VNĐ/ngày/người tối đa 60 ngày /năm
Điều kiện F: Thai sản (không bao gồm chi phí khám thai định kỳ)	Đồng chi trả 15% viện tư nhân và quốc tế	Đồng chi trả 15% viện tư nhân và quốc tế	Đồng chi trả 15% viện tư nhân và quốc tế	Đồng chi trả 15% viện tư nhân và quốc tế
Hạn mức	10,000,000 VNĐ/năm	20,000,000 VNĐ/năm	30,000,000 VNĐ/năm	30,000,000 VNĐ/năm

a. Biến chứng thai sản	Trả chi phí thực tế tối đa đến STBH thai sản			
b. Sinh mổ	**Chi trả chi phí tiền khám, các xét nghiệm lần cuối cùng trước sinh, chi phí nội trú và các chi phí liên quan			
c. Sinh thường				
Điều kiện G: Hỗ trợ học vấn trong trường hợp Cha/mẹ tử vong (1lần/thời hạn Bảo hiểm)	2,500,000/lần/suốt thời hạn bảo hiểm	5,000,000 /lần/suốt thời hạn bảo hiểm	10,000,000/lần/suốt thời hạn bảo hiểm	10,000,000/lần/suốt thời hạn bảo hiểm
Phí bảo hiểm	8,000,000 VNĐ	10,500,000 VNĐ	15,000,000 VNĐ	20,000,000 VNĐ

Hải Mỹ bảo hiểm

Hotline: 0902 171 236

<http://haimybaohiem.com>